

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 15 NĂM 2020

KỶ 1 THÁNG 8 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:
Số 47/GP-XBBT
Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 1/8/2020 đến 13/8/2020
- 5 Nỗ lực đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nông sản nội địa
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU
- 7 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang một số thị trường chủ lực ghi nhận tín hiệu tích cực
- 12 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Trung Quốc dự báo sẽ phục hồi trong thời gian tới
- 16 Nhiều tiềm năng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Angiêri
THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
- 19 Thừa Thiên - Huế xây dựng thương hiệu nông, lâm, thủy sản gắn với áp dụng công nghệ cao vào sản xuất
- 21 Phát triển thêm 450.000ha trái cây và thủy sản ở ĐBSCL đến năm 2030
- 22 Hội chợ trái cây quốc tế Quảng Châu 2020
- 22 Doanh nghiệp Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu hoa quả Việt Nam
- 22 Tìm nhà cung cấp gạo xuất khẩu sang Costa Rica
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ
- 23 Bộ Công Thương hướng dẫn chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA
- 23 Ấn Độ có thể siết tiêu chuẩn hạt tiêu nhập khẩu từ Việt Nam
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI
- 24 Kinh tế toàn cầu cải thiện hỗ trợ giá nông sản thế giới
- 25 Ba Lan tăng nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản thế mạnh của Việt Nam
- 28 **TIN VĂN**

TỔNG QUAN

Từ ngày 01/08/2020, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đã chính thức có hiệu lực, mở ra những cơ hội và triển vọng to lớn, đánh dấu thời điểm đặc biệt quan trọng của quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Việt Nam – EU và là kết quả của sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong suốt một thập kỷ từ khi Việt Nam và EU tiến hành đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA). Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định, đây là Hiệp định rất quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Các bộ, địa phương căn cứ vào kế hoạch chung của Chính phủ để ban hành chương trình hành động của mình. Ngày 06/8/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2091/QĐ-BCT về Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) của Bộ Công Thương. Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối, điều phối để thực thi EVFTA, tránh dàn trải, phân tán nguồn lực, bảo đảm sự thống nhất trong quá trình áp dụng và triển khai hiệu quả các cam kết. Về phía doanh nghiệp cần nỗ lực sáng tạo, tận dụng được những cơ hội mà Hiệp định mang lại.



Hiệp định EVFTA được thực thi đang và sẽ mở ra cơ hội lớn, khiến hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU gia tăng đáng kể lợi thế cạnh tranh. Riêng trong 7 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đạt 19,95 tỷ USD, giảm 1,45% so

với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,5% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU đạt 2 tỷ USD, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 10,1% trên tổng kim ngạch xuất khẩu. Với việc Hiệp định EVFTA có hiệu lực, thuế nhập khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản từ Liên minh EU vào Việt Nam và chiều ngược lại từ Việt Nam vào EU sẽ giảm sâu. Ngay khi EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, thủy sản sang EU sẽ được cắt giảm thuế về 0%, trong đó có nhiều mặt hàng nông sản là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn so với hàng nông, thủy sản của các nước chưa có Hiệp định thương mại tự do với EU.

Trong những tháng cuối năm 2020, mặc dù được tác động tích cực bởi nhiều yếu tố hỗ trợ từ trong và ngoài nước, đặc biệt là cơ hội tiềm năng mang lại từ EVFTA cũng như nhiều Hiệp định thương mại tự do khác mà Việt Nam đã tham gia, tuy nhiên dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp trên toàn cầu và đang xuất hiện làn sóng thứ hai, thứ ba ở nhiều nước, sẽ tiếp tục là yếu tố tác động lớn nhất tới xuất khẩu hàng hóa nói chung và nhóm nông, lâm, thủy sản nói riêng.

Trong khi đó, tại thị trường trong nước, giá nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong nửa đầu tháng 8/2020 có xu hướng tăng trước diễn biến tích cực của nhu cầu tiêu thụ trên thị trường thế giới. Đáng chú ý, giá gạo 5% tấm của Việt Nam trên thị trường quốc tế đã tăng lên mức 470 USD/tấn, cao hơn 20-30 USD/tấn so với thời điểm cuối tháng 7/2020 và được dự báo sẽ tiếp tục ở mức cao trong thời gian tới do tác động của dịch Covid-19 khiến các nước tăng tích trữ lương thực. Đây là nguyên nhân chính kéo giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tăng lên mức cao.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỪ NGÀY 1/8/2020 ĐẾN 13/8/2020



Gia hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 1/8 đến 13/8/2020 có xu hướng tăng so với cuối tháng 7/2020.

+ Mặt hàng gạo: Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa gạo đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm qua. Trong đó, giá gạo nguyên liệu IR 504 đã tăng 300 đ/kg so với cuối tháng 7/2020, đạt 8.850 đ/kg; giá gạo thành phẩm IR 504 tăng 700 đ/kg lên mức 10.600 đ/kg; giá tấm gạo IR 504 cũng tăng 800 đ/kg trong kỳ từ ngày 1/8 đến 13/8/2020.

Giá gạo 5% tấm của Việt Nam trên thị trường quốc tế cũng tăng mạnh lên mức cao nhất 8 năm, dao động 480-490 USD/tấn so với mức 440 - 450 USD/tấn trong nửa cuối tháng 7/2020. Vụ thu hoạch Hè Thu đã kết thúc và các thương nhân không thể mua lúa từ Campuchia trong thời gian gần đây do biên giới với Campuchia vẫn đóng cửa do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tuy nhiên, không có hợp đồng xuất khẩu mới nào được ký kết trong thời gian gần đây do giá gạo tăng cao.

+ Mặt hàng cà phê: Giá cà phê nhân xô tại khu vực Tây Nguyên tăng 500 đ/kg so với nửa cuối tháng 7/2020, dao động quanh mức 32.800 đ/kg trong kỳ từ ngày 1/8 đến 13/8/2020. Giá cà phê tăng trở lại do Việt Nam đang bước vào giai đoạn cuối vụ, trong khi diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 cũng gây trở ngại cho các hoạt động giao dịch.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Trong kỳ từ ngày 1/8 đến 13/8/2020, giá hạt tiêu trong nước tăng 500 đ/kg so với nửa cuối tháng 7/2020, dao động ở mức 49.500 đồng/kg. Giá hạt tiêu tăng giảm thiếu đồng nhất trong thời gian gần đây do tình dịch dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhu cầu nhập khẩu của các thị trường xuất khẩu lớn của hạt tiêu Việt Nam như: Ấn Độ, Mỹ, châu Âu được dự báo sẽ cần thời gian để phục hồi. Thêm vào đó, tình hình sản xuất tiêu trong nước cũng không thuận lợi. Ngoài yếu tố biến đổi khí hậu, giá tiêu xuống thấp đã khiến nông dân không còn mặn mà việc chăm sóc vườn tiêu. Cùng với đó, tình hình sâu bệnh dẫn tới năng suất các vườn tiêu giảm.

+ Mặt hàng hạt điều: Tại Bình Phước, giá điều nhân trong kỳ từ ngày 1/8 đến 13/8/2020 giảm 100 – 200 đ/kg đối với điều W240 và W320. Do giá điều nhân trong quý II/2020 ở mức thấp nên nhiều khách hàng lớn tại Mỹ và châu Âu đã ký giao hàng đến hết quý I/2021. Tuy nhiên, lo ngại làn sóng dịch Covid-19 thứ 2 bùng phát có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ nhân điều toàn cầu trong thời gian tới.

+ Mặt hàng thủy sản: Trong nửa đầu tháng 8/2020, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp tăng nhẹ 200 đ/kg so với cuối tháng 7/2020, lên mức 18.500 đ/kg. Giá cá tra nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức như hiện nay do tác động từ dịch

Covid-19 khiến xuất khẩu vẫn gặp nhiều khó khăn.

Trong khi đó, xuất khẩu tôm được nhận định sẽ khả quan trong các tháng còn lại của năm 2020. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), quý III/2020, tăng trưởng xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ tuy có thể không cao bằng quý II/2020 do Ấn Độ và Ecuador chuyển hướng tăng xuất khẩu sang Mỹ do gặp khó khăn khi xuất khẩu tới Trung Quốc. Tuy nhiên, với lợi thế về thuế chống bán phá giá thấp, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ trong cả năm 2020 dự báo vẫn đạt mức tăng khoảng 20% so với năm 2019. Trong khi đó, tại Trung Quốc, xuất khẩu tôm Việt Nam cũng đang có được sự tăng trưởng tốt.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 13/8/2020

Tên hàng	Ngày 13/8/2020 (đ/kg)	So với ngày 30/7/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504	8.850	3,5	34,1
Gạo thành phẩm IR 504	10.600	7,1	41,3
Tấm gạo IR 504	8.600	10,3	34,4
Cám vàng	5.700	2,7	18,8
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	32.800	1,5	2,2
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	30.000	0,0	-18,9
Điều W240	26.000	-7,1	-89,8
Điều W 320	28.000	-3,4	-88,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	49.500	1,0	17,9
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	18.200	1,1	-13,3
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	280.000	0,0	21,7
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	60.000	9,1	-14,3
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	90.000	-25,0	-35,7
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	24.000	-89,1	-92,5
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	125.000	8,7	4,2
Giá cao su dạng nước tại Bình Phước	240	-2,0	
Giá cao su dạng thô tại Bình Phước	12.000	0,0	
Công Ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh			
Mủ chén, dây khô	9.900	11,2	-19,5
Mủ chén ướt	6.900	13,1	-18,8
Mủ đông khô	9.000	12,5	-18,9
Mủ đông ướt	7.300	12,3	-18,9
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	247	2,9	-13,9
Mủ cao su nước tại nhà máy (đ/độ TSC)	252	2,9	-13,7

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NỖ LỰC ĐẨY MẠNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG SẢN NỘI ĐỊA



Dịch Covid-19 trong nước và trên thế giới với những diễn biến phức tạp không chỉ đe dọa sức khỏe mà còn tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân. Trước tác động của dịch Covid-19, cũng như nhiều ngành kinh tế khác, ngành nông nghiệp chịu ảnh hưởng rõ rệt, nhiều trang trại, cơ sở sản xuất bị thiệt hại nặng nề, khó khăn hoặc không thể tiêu thụ được các sản phẩm nông nghiệp đã sản xuất, đầu ra nhiều mặt hàng nông sản chủ lực như nhãn lồng, thanh long, mắc ca, gia cầm, cá tra... gặp trở ngại.

Tiêu biểu như với mặt hàng nhãn, trong niên vụ năm 2020, tỉnh Hưng Yên dự kiến có sản lượng nhãn khoảng 50.000 tấn, hiện đã tiêu thụ được khoảng 18.000 tấn (chiếm 30%). Tuy nhiên, dịch Covid-19 tại Việt Nam đã quay trở lại đúng vào giai đoạn thu hoạch chính vụ nhãn tại tỉnh Hưng Yên, khiến nhiều hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho loại nông sản này phải hủy bỏ, tiêu thụ nhãn gặp

nhiều khó khăn, kể cả những hợp đồng đã ký kết giữa nhà vườn và doanh nghiệp cũng đang phải tạm dừng. Hiện đã có một số hợp đồng mà phía đối tác Trung Quốc đang phải tạm dừng vì siết chặt công tác kiểm soát hàng hóa do dịch Covid-19.

Trước diễn biến này, giá nhãn năm nay rớt hơn khoảng 30% so với năm 2019, chỉ quanh mức 15.000 đồng/kg với những loại nhãn phổ thông, nhãn loại 1 khoảng 30.000 đồng/kg. Trong đó, lượng tiêu thụ chủ yếu là bán lẻ. Hệ thống các doanh nghiệp phân phối, siêu thị đã có nhiều đầu mối liên hệ nhưng chưa thực hiện ký hợp đồng do lo ngại về những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ. Nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nhãn, chính quyền tỉnh Hưng Yên dự kiến sẽ thúc đẩy xuất khẩu và chế biến. Theo đó, Hưng Yên đang có chính sách hỗ trợ kinh phí mua máy sấy để nâng công suất chế biến nhãn tươi thành sản phẩm long nhãn, giảm áp lực tiêu thụ cho quả nhãn tươi. Dự kiến sẽ có khoảng 30% trên

tổng sản lượng nhãn toàn tỉnh Hưng Yên năm nay được đưa vào chế biến long nhãn xuất khẩu hoặc chế biến nhãn sấy khô.

Tình trạng tổn đọng cũng xảy ra với quả mắc ca tại Đắk Lắk. Hiện tại Đắk Lắk, giá mắc ca hạ xuống chỉ còn từ 60.000 - 70.000 đồng/kg, giảm đáng kể so với năm 2019 là 100.000 đồng/kg. Vì vậy, nhiều hộ trồng mắc ca quyết định không bán ngay, chuyển sang sấy khô, hút chân không để chờ được giá.

Trong khi đó, đối với cá tra, sự sụt giảm nhanh về thị trường xuất khẩu khiến cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, một lượng lớn mặt hàng cá tra bị tồn kho, chưa thể tiêu thụ được; nhiều doanh nghiệp mất đơn hàng, đứt đoạn sản xuất, nguy cơ nợ quá hạn và thiệt hại lớn về kinh tế. Giá cá tra đã liên tục giảm mạnh từ đầu năm 2020 đến nay xuống những mức giá thấp nhất trong vòng 5 năm qua khiến người nuôi gặp khó khăn, thua lỗ, nhiều hộ ươm giống tạm ngưng sản xuất hoặc chuyển sang sản xuất đối tượng khác. Hiện giá cá tra thịt trắng được nông dân bán cho doanh nghiệp chỉ ở mức 17.000-18.200 đồng/kg, người nuôi đang chịu lỗ khoảng 5.000-6.000 đồng/kg cá tra thương phẩm. Trong khi đó, giá bán lẻ cá tra hiện chỉ ở mức 30.000-40.000 đồng/kg, thấp hơn nhiều so với mức 55.000-60.000 đồng/kg giai đoạn trước đó. Cùng với cá tra, giá cả đầu ra nhiều loại cá nuôi nước ngọt khác cũng không ổn định và có chiều hướng giảm thấp so với cùng kỳ các năm trước do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhất là các loại cá phục vụ chế biến xuất khẩu.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến khó lường, phức tạp và chưa thể xác định khi nào sẽ chấm dứt, thị trường nội địa với gần 100 triệu dân đóng vai trò rất quan trọng trong việc gỡ khó cho nông dân thông qua hoạt động chung tay đẩy mạnh tiêu thụ nông sản.

Trong thời gian qua, nhiều địa phương trên cả nước đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, huy động sự tương trợ, hỗ trợ của người tiêu dùng trên cả nước

tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong nước bị tổn đọng do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giúp nông dân giảm bớt thiệt hại. Ngoài các thị trường trao đổi hàng hóa truyền thống như chợ, siêu thị, nhiều địa phương cũng hướng dẫn nông dân tiếp cận phương pháp bán hàng online, vừa góp phần tiêu thụ hàng hóa bị tổn đọng trong mùa dịch, lại hạn chế tiếp xúc góp phần phòng chống, dịch hiệu quả hơn. Trong khi đó, nhiều người tiêu dùng cũng tích cực hưởng ứng bằng cách quảng bá các sản phẩm của địa phương, hỗ trợ nông dân tiêu thụ nông sản qua các trang mạng xã hội, nhờ đó đã góp phần tiêu thụ một phần lượng nông sản cho nông dân trong mùa dịch, giúp bà con giảm bớt thiệt hại và ổn định sản xuất.



Theo khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 còn phức tạp, càng cần phải kích cầu tiêu dùng sản phẩm nội địa. Bộ đã phối hợp với các địa phương tổ chức các tuần lễ hàng nông sản với 2 tuần/phiên chợ tại các địa phương trên cả nước để tạo điều kiện cho hợp tác xã, doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng. Đồng thời giới thiệu tới người tiêu dùng về sự đa dạng, chất lượng các sản phẩm nông sản trong nước. Bên cạnh đó, hiện đã có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hợp tác xã, doanh nghiệp đưa sản phẩm về Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp giới thiệu. Đồng thời có các hỗ trợ về chi phí vận chuyển, hay các cuộc thi sản phẩm người tiêu dùng ưa thích... nhằm khuyến khích các chủ thể sản xuất tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHỦ LỰC GHI NHẬN TÍN HIỆU TÍCH CỰC

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản (bao gồm thủy sản, rau quả, cà phê, chè, hạt tiêu, gạo, cao su, sắn, hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 7/2020 đạt 3,2 tỷ USD, tăng 10,1% so với tháng 6/2020, tăng 3,2% so với tháng 7/2019 và cao hơn so với mức ước tính đạt 3,06 tỷ USD trước đó nhờ sự tăng tốc trong xuất khẩu gạo, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ. Như vậy, tính chung trong 7 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đạt 19,95 tỷ USD, giảm 1,45% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,5% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước, thấp hơn so với mức tỷ trọng chiếm 13,9% trong 7 tháng đầu năm 2019.

Xét về thị trường, riêng trong tháng 7/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang tất cả 10 thị trường chủ lực đều tăng so với tháng trước. Trong đó, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch đạt 1,01 tỷ USD, tăng 15,5% so với tháng trước; tiếp đến là Trung Quốc với mức tăng 12,24% lên 653 triệu USD. Trong khi đó, xuất khẩu sang Liên minh EU trong tháng 7/2020 chỉ đạt 272,5 triệu USD, tăng nhẹ 0,3% so với tháng trước, nhưng giảm tới 10,5% so với tháng 7/2019 do nhu cầu tiêu thụ vẫn ở mức yếu trước ảnh hưởng của dịch Covid-19 cộng với các doanh nghiệp chờ thời điểm Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ 1/8/2020 nhằm tận dụng được chính sách giảm thuế theo lộ trình của Hiệp định.



Trong 7 tháng đầu năm 2020, Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc là nhóm những thị trường xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm tới 70% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, chỉ có duy nhất xuất khẩu sang thị trường Mỹ vẫn đạt mức tăng trưởng khá và xuất khẩu sang Nhật Bản giữ ổn định, các thị trường còn lại đều giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt 5,1 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 25,6% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản. Chiếm phần lớn trong mức tăng trưởng chung trong xuất khẩu của Mỹ là nhờ sự tăng tốc nhanh chóng trong xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Mỹ trong 7 tháng qua đạt 3,3 tỷ USD, tăng tới 22% so với cùng kỳ năm trước – đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong danh sách các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chủ lực của Việt Nam. Xuất khẩu mặt hàng này sang Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng tích cực là do dịch bệnh Covid-19 khiến hoạt động sản xuất và chế biến gỗ tại nhiều quốc gia bị gián đoạn, đồng thời căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc đang tác động lớn tới xuất khẩu đồ gỗ Trung Quốc vào Mỹ cũng góp phần giúp cho ngành gỗ Việt Nam hưởng lợi.

Đối với thị trường EU, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2020 đạt 2 tỷ USD, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 10,1% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của cả nước. Trong đó, cà phê, thủy sản, hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ là những mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường này. Kể từ ngày 1/8/2020, với việc Hiệp định EVFTA có hiệu lực, thuế nhập khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản từ Liên minh EU vào Việt Nam và chiều ngược lại từ Việt Nam vào EU sẽ giảm sâu.

Đối với thủy hải sản của Việt Nam xuất khẩu sang EU, ngay khi EVFTA có hiệu lực, 50% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ ngay, 50% còn lại được xóa bỏ theo lộ trình từ 3 - 7 năm. Theo đó, sẽ có 212 dòng thuế các mặt hàng thủy hải sản từ mức thuế cơ sở 0 - 22%, trong đó phần lớn từ mức 6 - 22% được giảm về 0% từ 1/8/2020 như hầu, điệp, mực, bạch tuộc, nghêu, sò, bào ngư chế biến, tôm hùm, cá ngừ...

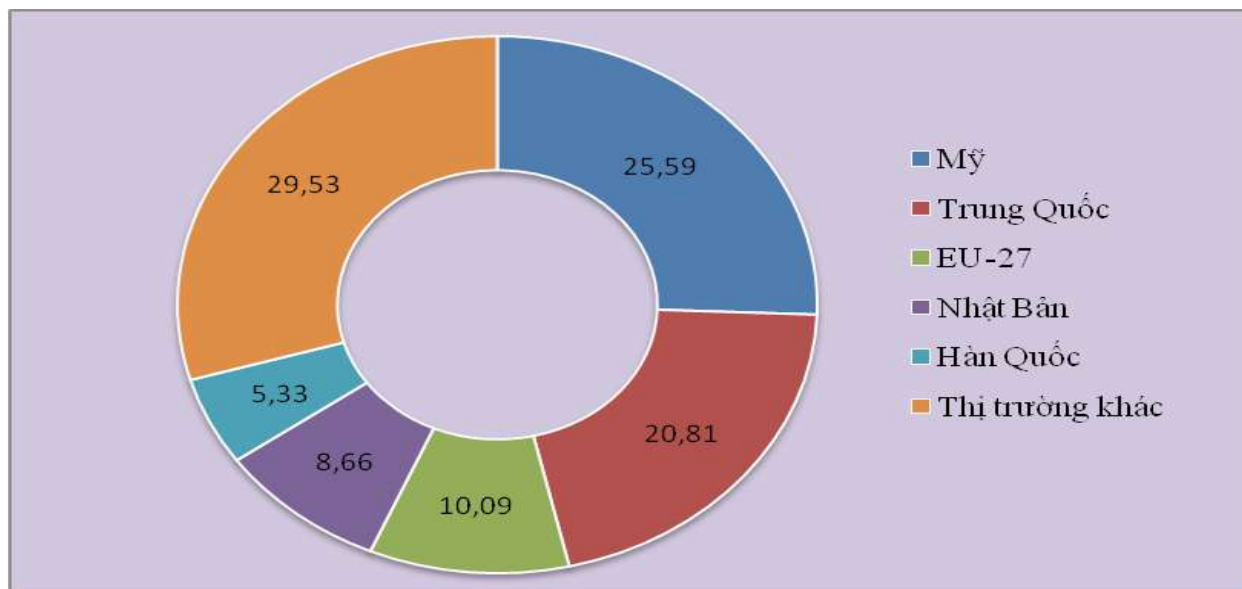
Với gỗ và sản phẩm gỗ, hiệp định EVFTA được thực thi sẽ giúp có thêm 17% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU được hưởng thuế 0%. Cụ thể, các mặt hàng thuộc mã từ 4401-4409, EU áp thuế từ 2-4%; các mặt hàng thuộc mã HS 4414/15/18/20/21, EU áp thuế từ 2,5-4% sẽ hưởng thuế 0% ngay sau khi Hiệp định thực thi. Hiện nay, nhóm các mặt hàng này đang chiếm 10% trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Nhóm mặt hàng chiếm 7% tổng trị giá xuất khẩu sang EU, gồm đồ nội thất sử dụng trong nhà bếp (HS 9403.40), bộ phận đồ gỗ (HS 9403.90), đồ nội thất kết hợp với vật liệu khác (HS 9403.80) với mức thuế áp dụng trước Hiệp định là từ 2,7-5,6% sẽ về 0% khi Hiệp định có hiệu lực.

Đối với mặt hàng rau quả, ngay khi EVFTA có hiệu lực, khoảng 94% trong tổng số 547 dòng thuế nhóm hàng rau, quả tươi và chế biến được EU cắt giảm về 0%, trong đó có nhiều mặt hàng rau, quả là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các mặt hàng rau, quả của Thái Lan, Trung Quốc, khi họ chưa có hiệp định thương mại tự do với EU.



Cơ cấu thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 7 tháng đầu năm 2020

ĐVT: (%)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

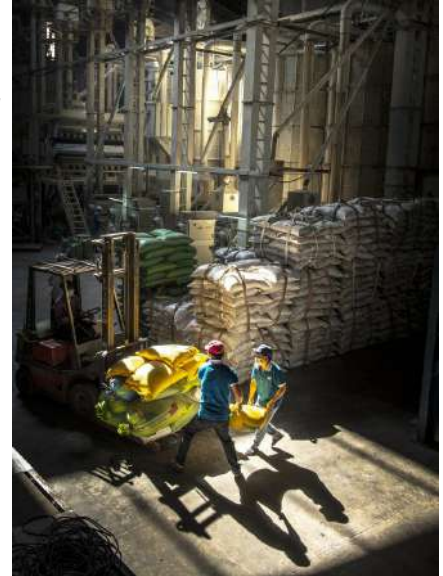
Đối với các thị trường còn lại, hầu hết kim ngạch xuất khẩu đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên vẫn xuất hiện một số thị trường duy trì được tốc độ tăng trưởng, đặc biệt là các thị trường thuộc khu vực ASEAN và một số thị trường châu Phi.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu sang Thái Lan trong 7 tháng qua tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước lên 320,9 triệu USD, chủ yếu nhờ mức tăng đột biến của xuất khẩu rau quả sang thị trường này. Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Thái Lan đã tăng tới 215,5% lên 88,5 triệu USD nhờ nỗ lực xúc tiến thương mại của các cơ quan quản lý để bù đắp cho lượng sụt giảm xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc cộng với hệ thống siêu thị của Thái Lan tại Việt Nam là Central Group (chủ sở hữu hệ thống bán lẻ Big C) đã đẩy mạnh việc thu mua nông sản, rau quả của Việt Nam để đưa sang tiêu thụ tại hệ thống siêu thị tại nước này - đây cũng là một lợi thế giúp hàng rau củ quả thâm nhập thị trường Thái Lan nhanh hơn. Bên cạnh đó, Thái Lan được xem là trung tâm chế biến hàng nông sản của khu vực Đông Nam Á. Chính vì vậy, nước này có nhu cầu về sự đa dạng nguồn nguyên

liệu cho chế biến, trong đó có nguồn nhập khẩu từ Việt Nam. Đây là diễn biến rất tích cực, nhất là trong bối cảnh xuất khẩu rau quả sang nhiều thị trường bị sụt giảm vì tác động của dịch bệnh, trong khi Thái Lan là một quốc gia vốn có nền nông nghiệp tương đồng với Việt Nam và là thị trường cung cấp rau quả lớn nhất vào Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2014-2019. Riêng trong 7 tháng đầu năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả của Việt Nam từ thị trường Thái Lan đã giảm mạnh trên 90% xuống 40,2 triệu USD, đưa Thái Lan xuống vị trí số 6 trong danh sách các thị trường cung cấp rau quả lớn nhất vào Việt Nam (sau Mỹ, Trung Quốc, Australia, New Zealand và Myanmar).

Những diễn biến thuận lợi trong việc đẩy mạnh xuất khẩu rau quả vào Thái Lan là động lực để hàng rau quả nói riêng và nông sản nói chung của Việt Nam tiến sâu hơn vào các thị trường trong khu vực ASEAN, bởi trong thời gian qua ASEAN luôn được đánh giá là thị trường giàu tiềm năng nhưng khó tận dụng bởi nhiều lý do như sản phẩm tương đồng với Việt Nam, giá cả rẻ hơn của Việt Nam và nhiều nước trong khu vực đã phát triển nông nghiệp với trình độ cao hơn.

Trong những tháng cuối năm 2020, mặc dù được tác động tích cực bởi nhiều yếu tố hỗ trợ từ trong và ngoài nước, đặc biệt là cơ hội tiềm năng mang lại từ EVFTA cũng như nhiều Hiệp định thương mại tự do khác mà Việt Nam đã tham gia, tuy nhiên dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp trên toàn cầu và đang xuất hiện làn sóng thứ hai, thứ ba ở nhiều nước, sẽ tiếp tục là yếu tố tác động lớn nhất tới xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Do dịch bệnh kéo dài, nhu cầu tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trên thế giới đang có xu hướng giảm xuống, trong khi hoạt động vận chuyển cũng gặp khó trước việc đẩy mạnh biện pháp kiểm soát nhằm ngăn chặn sự lây lan dịch bệnh của các nước.



Thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 7/2020	So với tháng 6/2020	So với tháng 7/2019	7 tháng/2020	So với 7 tháng/2019	Tỷ trọng trong 7T/2020
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Tổng	3.204.365	10,14	3,18	19.953.686	-1,45	100,00
Mỹ	1.011.578	15,54	32,78	5.106.085	14,21	25,59
Trung Quốc	653.031	12,24	1,68	4.152.759	-7,68	20,81
EU-27	272.485	0,34	-10,48	2.013.244	-5,06	10,09
Đức	60.041	-5,59	-19,70	531.623	-4,25	2,66
Hà Lan	75.014	-3,96	9,11	474.896	9,70	2,38
Italia	31.558	6,22	0,25	234.468	-15,00	1,18
Bỉ	27.628	7,00	-16,39	195.428	-2,44	0,98
Tây Ban Nha	22.638	-4,14	-36,34	194.602	-14,48	0,98
Pháp	27.096	10,87	-12,32	179.437	-16,90	0,90
Ba Lan	7.777	4,26	22,14	63.722	27,43	0,32
Đan Mạch	6.728	12,64	-15,97	41.722	-4,60	0,21
Bồ Đào Nha	5.319	9,45	-26,53	37.476	-22,54	0,19
Thụy Điển	3.100	-8,96	8,32	24.425	-8,66	0,12
Hy Lạp	3.020	28,34	5,05	22.096	-13,48	0,11
Rumani	1.622	59,34	39,45	7.811	-4,90	0,04
Cộng Hoà Séc	774	-28,85	63,04	3.616	-20,95	0,02
Hungary	133		-83,48	1.185	-74,19	0,01
Áo	38	-66,74	-47,59	739	-22,08	0,00
Nhật Bản	251.033	7,00	-2,57	1.727.028	0,01	8,66
Hàn Quốc	149.589	0,05	-6,64	1.062.910	-3,49	5,33
Philippin	74.761	10,65	-41,75	839.134	6,94	4,21
Anh	78.643	25,24	0,95	406.587	-14,56	2,04
Malaysia	58.799	17,56	41,54	355.951	-3,34	1,78
Thái Lan	44.750	1,10	-16,21	320.919	7,36	1,61
Canada	59.105	22,78	24,76	319.481	7,56	1,60

Thị trường	Tháng 7/2020	So với tháng 6/2020	So với tháng 7/2019	7 tháng/2020	So với 7 tháng/2019	Tỷ trọng trong 7T/2020
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	(%)
Australia	57.617	23,27	21,78	301.886	-2,19	1,51
Nga	32.586	2,01	-12,35	240.804	-0,63	1,21
Đài Loan	36.096	-5,94	3,18	221.040	5,26	1,11
Hồng Kông	24.508	-7,88	-6,12	154.999	-14,82	0,78
Gana	23.669	14,56	22,71	150.084	52,87	0,75
Singapore	17.378	-6,83	-9,01	125.754	-0,51	0,63
Bờ Biển Ngà	23.721	-16,65	-34,06	117.702	-20,00	0,59
Ấn Độ	17.201	-2,19	-52,33	114.879	-46,58	0,58
UAE	14.960	15,54	7,06	105.463	-4,60	0,53
Indonesia	15.170	23,72	42,51	73.932	20,24	0,37
Angiêri	5.768	-45,40	-47,92	69.414	-11,52	0,35
Ả Rập Xê út	7.890	3,10	-29,01	67.057	3,19	0,34
Ixraen	9.330	-10,73	-14,55	64.290	-25,78	0,32
Irắc	1.367	105,78	-96,09	62.986	-55,41	0,32
Pakixtan	11.554	19,60	-3,72	62.186	-12,79	0,31
Ai Cập	5.704	-16,84	-36,54	57.847	-17,16	0,29
Campuchia	6.736	17,51	-7,63	49.051	80,37	0,25
Lào	8.146	1,84	-6,84	45.329	-21,13	0,23
Mexico	5.922	52,94	-45,06	41.392	-55,09	0,21
Ukraina	4.950	6,77	2,30	33.005	9,85	0,17
New Zealand	5.724	45,14	-6,50	29.993	-18,33	0,15
Thổ Nhĩ Kỳ	3.305	-8,90	-53,73	28.844	-18,12	0,14
Braxin	3.498	72,59	-33,52	26.282	-36,61	0,13
Thụy Sỹ	3.918	-10,50	75,98	25.989	37,90	0,13
Chilê	6.909	79,52	52,40	25.019	-0,02	0,13
Mozambique	4.306	109,26	1.299,35	19.652	65,36	0,10
Xê-nê-gan	382	-93,05	3,11	19.431	201,72	0,10
Cô-lôm-bia	2.071	31,49	-55,60	15.045	-46,17	0,08
Nam Phi	2.709	48,67	3,27	13.305	-30,85	0,07
Myanma	278	-64,66	-73,67	12.107	37,97	0,06
Na Uy	1.336	48,18	-17,87	11.448	-6,44	0,06
Cô-ô-ét	1.355	48,17	15,74	9.363	-22,37	0,05
Sri Lanka	1.515	22,25	-61,51	7.963	-41,26	0,04
Tanzania	1.856	912,74	11,34	6.853	6,47	0,03
Pê-ru	448	42,82	-46,93	6.169	-13,41	0,03
Bangladesh	1.298	175,01	-62,54	4.700	-46,65	0,02
Phân Lan	616	33,57	-2,88	4.235	-17,55	0,02
Panama	245	290,65	-14,47	2.025	-42,93	0,01
Angô-la	193	-39,19	6,59	1.881	-59,09	0,01
Achentina	427	86,13	35,54	1.639	23,64	0,01
Brunei	89	227,28	-78,03	820	-77,37	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC DỰ BÁO SẼ PHỤC HỒI TRONG THỜI GIẠN TỚI

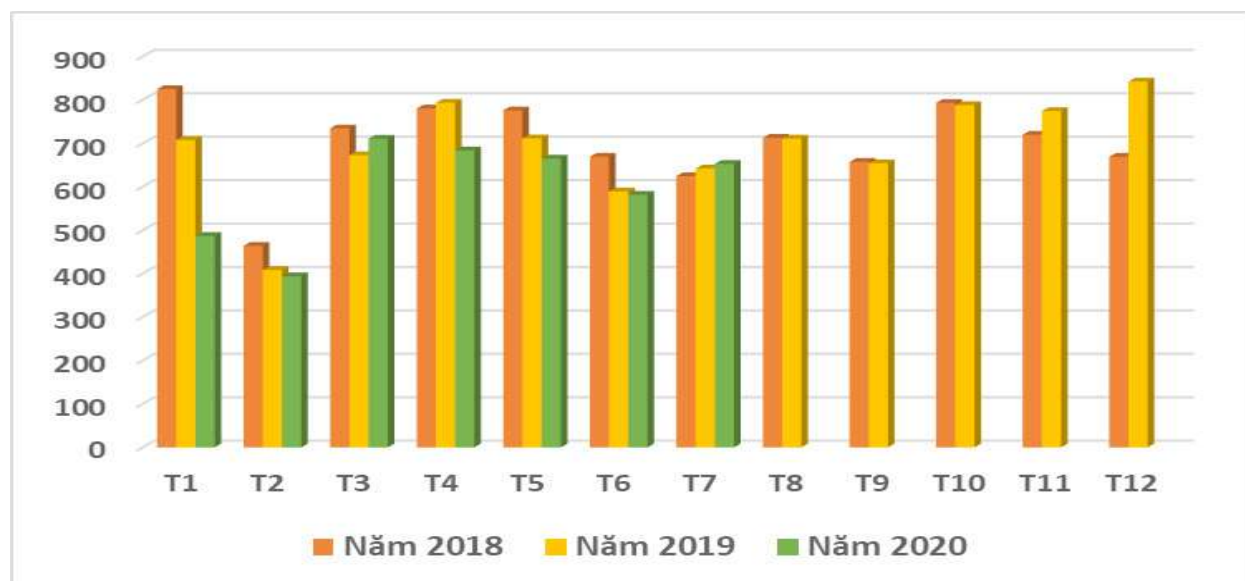


Thời gian qua, do dịch Covid 19 nên xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc chịu nhiều ảnh hưởng. Bên cạnh đó, quá trình đàm phán mở cửa thị trường với một số mặt hàng nông sản của Việt Nam

sang thị trường Trung Quốc cũng bị gián đoạn. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Trung Quốc đứng thứ hai về thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020 với kim ngạch đạt 4,15 tỷ USD, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Tuy nhiên, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong thời gian gần đây đã xuất hiện những tín hiệu tích cực. Trong tháng 7/2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 653,03 triệu USD, tăng 12,2% so với tháng 6/2020 và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Trung Quốc năm 2018-2020 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2020, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng khá mạnh so với tháng trước và cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, kim ngạch

xuất khẩu cao su tăng 59,1% so với tháng 6/2020, sắn và sản phẩm từ sắn tăng 44,8%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 12,3%, gạo tăng 5,5%... Đồng thời so với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu cao

su tăng 33%, sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 15,5%, gạo tăng 34,3%... Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Trung Quốc vẫn gặp khó khăn và giảm 21% so với tháng 6/2020 và giảm 24,2% so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu thủy sản, hạt điều, chè cũng giảm so với tháng trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, rau quả vẫn là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc với kim ngạch đạt 1,15 tỷ USD, nhưng so với cùng kỳ năm

2019 giảm mạnh 28,9%. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản, hạt điều, cà phê, chè sang thị trường này cũng giảm so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc tăng 2,3% về lượng nhưng giảm 5,5% về trị giá so với 7 tháng năm 2019.

Trong khi đó, xuất khẩu một số mặt hàng khác vẫn ghi nhận sự tăng trưởng khả quan như: Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 16,1%, sắn và sản phẩm từ sắn tăng 4,8%, gạo tăng mạnh 84%.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 7 và 7 tháng năm 2020

(ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 7/2020		Tháng 6/2020 (%)		So với tháng 7/2019 (%)		7 tháng năm 2020		So với 7 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng trị giá		653.031		12,2		1,7		4.152.759		-7,7
Hàng rau quả		108.130		-21,0		-24,2		1.151.302		-28,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		99.139		12,3		3,4		739.181		16,1
Cao su	170	203.578	55,7	59,1	52,4	33,0	509	638.656	2,3	-5,5
Hàng thủy sản		113.267		-1,0		-5,1		590.655		-1,1
Sắn và các sản phẩm từ sắn	191	69.719	35,0	44,8	25,4	15,5	1.444	496.218	18,8	4,8
Gạo	36	19.044	18,0	5,5	20,6	34,3	493	293.386	55,0	84,0
Hạt điều	5	30.503	-20,5	-24,3	-16,4	-35,0	29	188.047	-14,9	-29,7
Cà phê	3	8.555	24,0	42,1	17,5	53,0	21	49.030	-10,2	-6,8
Chè	0,869	1.096	-31,4	-34,5	-14,6	-75,2	4	6.284	-14,9	-60,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Trong những tháng cuối năm 2020, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc dự báo sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục. Trong đó, một số mặt hàng có triển vọng tăng như: Gạo, cao su, sắn và sản phẩm sắn, gỗ và sản phẩm gỗ... do nhu cầu cải thiện sau thời gian trầm lắng bởi tác động của dịch Covid-19.

Gạo: Năm 2018 và năm 2019, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc sụt giảm mạnh nhưng năm nay có xu hướng tăng trở lại.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1,22 triệu tấn, trị giá 663,55 triệu USD, giảm 2,3% về lượng nhưng tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó, Trung Quốc giảm mạnh lượng gạo nhập khẩu từ Thái Lan (giảm 58,5%) và Pakixtan (giảm 59,8%).

Tuy nhiên, Trung Quốc lại tăng lượng gạo nhập khẩu từ các thị trường khác như: Campuchia tăng 3,1%, Đài Loan tăng 13,8%, Lào tăng 172%, đặc biệt Myanmar tăng tới 248,2%...

Trong khi đó, Trung Quốc nhập khẩu gạo nhiều nhất từ thị trường Việt Nam với khối lượng đạt 454,7 nghìn tấn, tăng 77,7% so với cùng kỳ năm 2019. Chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị

trường Trung Quốc chủ yếu là gạo nếp. Nhu cầu gạo từ Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục tăng lên trong thời gian tới do những trận lũ lụt lớn làm ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp tại nước này.

Nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ các thị trường chính trong 6 tháng đầu năm 2020

Thị trường	6 tháng năm 2020		So với 6 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	1.220.301	663.547	-2,3	2,7
Việt Nam	454.698	272.372	77,7	111,5
Myanmar	272.761	94.013	248,2	219,2
Thái Lan	144.397	121.752	-58,5	-42,0
Pakixtan	158.255	56.673	-59,8	-64,6
Campuchia	132.594	88.829	3,1	-10,3
Đài Loan	43.596	15.599	13,8	9,1
Lào	13.294	12.771	172,0	352,9
Nhật Bản	486	1.401	14,5	-1,3
Nga	125	31	-71,1	-71,3
Ấn Độ	62	71	-82,5	-53,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Cao su: Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh trở lại từ giữa quý II/2020 nhờ sự khởi sắc của thị trường ô tô Trung Quốc (cao su nhập khẩu của Trung Quốc chủ yếu được sử dụng trong sản xuất sảm lốp ô tô).

Theo dữ liệu của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Trung Quốc (CAAM), doanh số bán ô tô của Trung Quốc trong tháng 7/2020 đã tăng tới 16,4% so với cùng kỳ năm 2019 lên 2,1 triệu chiếc. Xu hướng này được đánh giá là tích cực sau đà phục hồi trong quý II/2020 do chính sách kích cầu đối với ngành ô tô nước này khiến khách hàng quay trở lại các cửa hàng để được hưởng các ưu đãi.



Sắn và các sản phẩm từ sắn: Với nhu cầu ở mức cao, xuất khẩu sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan trong thời gian tới.

Nguyên nhân là giá cồn tại Trung Quốc tăng trở lại trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào cao, tồn kho thấp trong khi lượng tiêu thụ tốt. Hiện giá ngô tại Trung Quốc đang tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm, trong khi nhu cầu tiêu thụ từ ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất cồn tăng cao. Đây là cơ hội cho sắn lát Việt Nam - sản phẩm thay thế ngô trong ngắn hạn có thể đạt được mức tăng trưởng tốt về sản lượng và giá xuất khẩu.

Hàng rau quả: Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn do nhu cầu nhập khẩu vẫn thấp sau đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm dịch và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông nghiệp tươi, ướp lạnh và chế biến. Đồng thời, Trung Quốc cũng siết chặt quản lý nhập khẩu với các mặt hàng chưa được phép mở cửa thị trường và có thời điểm

cấm nhập khẩu theo hình thức trao đổi cư dân biên giới do dịch Covid-19.

Trong nửa đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu một số loại trái cây chính của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc sụt giảm so với cùng kỳ năm 2019 như: Thanh long giảm 5,5%, dưa hấu giảm 39,1%, vải giảm 27,8%, dứa giảm 20,6%, nhãn giảm 86,1%.... Tuy nhiên, xuất khẩu xoài sang Trung Quốc tăng 11,1%, chuối tăng 2,3%, mít tăng 44,2%...



Hiện đang là vụ nhãn nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc xúc tiến thương mại để tiêu thụ nhãn sang thị trường Trung Quốc gặp nhiều khó khăn. Vừa qua, các đối tác từ phía Trung Quốc đã dừng mua sản phẩm long nhãn của 3 doanh nghiệp tại thủ phủ nhãn lồng Hưng Yên.

Đến nay, Việt Nam có 9 loại hoa quả xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc và đang đàm phán xuất khẩu chính ngạch thêm 2 mặt hàng là sầu riêng và khoai lang sang thị trường này. Đồng thời, Việt Nam cũng đề nghị phía Trung Quốc thúc đẩy tiến trình mở cửa cho thạch đen, bưởi, chanh leo và tôm sú; bên cạnh đó, đề nghị Tổng cục Hải quan Trung Quốc thiết lập đường dây nóng giữa hai nước để thường xuyên trao đổi để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thương mại nông sản.

Một số mặt hàng rau hoa quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2020

Tên hàng	6 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2019 (%)
Thanh long	549.432	-5,5
Xoài	131.440	11,1
Chuối	93.525	2,3
Mít	72.253	44,2
Ốt	33.377	23,8
Dưa hấu	31.185	-39,1
Vải	28.403	-27,8
Dứa	16.083	-20,6
Khoai lang	14.361	2.597,5
Nhãn	12.413	-86,1
Chanh leo	9.101	-43,6
Hạt dẻ cười	7.620	78,1
Trái cây	6.891	178,1
Hạnh nhân	6.063	-33,1
Sầu riêng	4.188	-97,2
Thảo quả	3.010	65,1
Chôm chôm	2.880	-60,9
Nấm hương	2.012	-90,7
Nước lặc tiên	1.916	367,4
Thạch	1.765	47,1
Măng cụt	1.655	-99,0
Sả	1.635	
Hạt điều	1.591	246,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NHIỀU TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ANGIÊRI

Do ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Angiêri trong 7 tháng đầu năm 2020 giảm 11,5% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 69,41 triệu USD. Tính riêng trong tháng 7/2020, trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản thì Việt Nam chỉ xuất khẩu duy nhất mặt hàng cà phê sang thị trường Angiêri với khối lượng đạt 3,83 nghìn tấn, trị giá 5,77 triệu USD, giảm 43,1% về lượng và 44% về trị giá so với tháng 6/2020.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, cà phê là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Angiêri với khối

lượng đạt 42,38 nghìn tấn, trị giá 64,58 triệu USD, giảm 2% về lượng và giảm 7,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Mặt hàng này chiếm tới 93,03% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Angiêri.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Angiêri cũng giảm 49,8% so với 7 tháng năm 2019, gạo giảm 93,2%.

Ngược lại, hạt tiêu là mặt hàng duy nhất có kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Angiêri tăng 73,8% so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Angiêri trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 7/2020		So với tháng 6/2020 (%)		So với tháng 7/2019 (%)		7 tháng năm 2020		So với 7 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		5.768		-45,4		-47,9		69.414		-11,5
Cà phê	3.825	5.768	-43,1	-44,0	-38,2	-41,0	42.377	64.579	-2,0	-7,1
Hàng thủy sản								3.015		-49,8
Hạt tiêu							943	1.688	128,3	73,8
Gạo							208	132	-95,6	-93,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Mặc dù giảm trong 7 tháng đầu năm nay nhưng nhìn chung Angiêri vẫn là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nhiều tiềm năng của Việt Nam trong thời gian tới.

Trong đó, cà phê, thủy sản và nhiều loại nông sản khác của Việt Nam có cơ hội tăng xuất khẩu vào thị trường Angiêri do nhu cầu của người dân bản địa về các

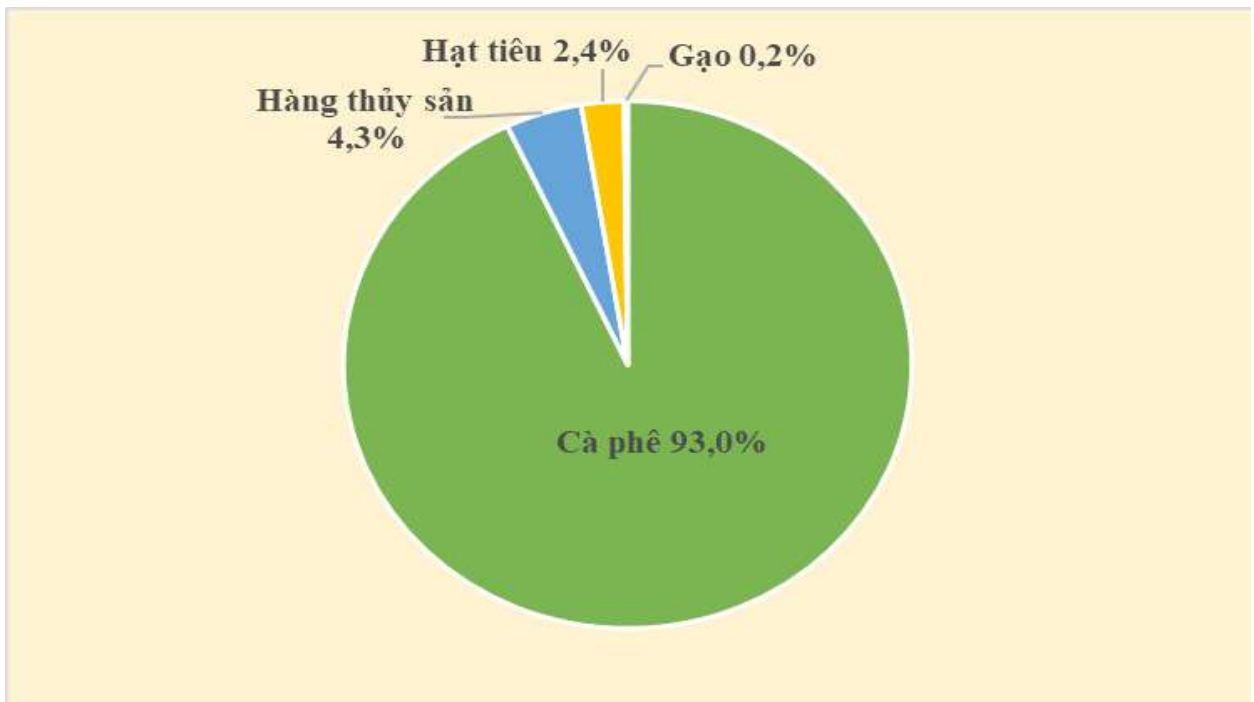
thực phẩm này luôn ở mức cao. Hàng hóa đáp ứng được các điều kiện cạnh tranh về giá cả và bảo đảm về mặt chất lượng sẽ có cơ hội thâm nhập hơn nữa tại thị trường này.

Cùng với chè, cà phê đã trở thành đồ uống nóng ngày càng được ưa chuộng của người dân Angiêri. Tại đây, cà phê được xem là sản phẩm thiết yếu bên cạnh các loại thực phẩm khác như bánh mì, dầu ăn, đường, sữa. Tiêu dùng cà phê tại Angiêri cũng đang tăng lên, trị giá bán lẻ của ngành cà phê Angiêri đã tăng gần gấp ba lần kể từ năm 2010 lên 29 triệu USD vào năm 2019. Mặt khác, Angiêri có số lượng lớn người nước ngoài đến sinh sống và làm việc. Vì vậy, nhu cầu nhập khẩu cà phê tăng mạnh.

Theo đánh giá, Angiêri là thị trường vẫn còn dư địa cho cà phê Việt Nam và trong tương lai, cà phê vẫn sẽ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta vào thị trường này. Ngoài cà phê hạt, doanh nghiệp Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu cà phê chế biến, hòa tan có giá trị gia tăng cao hơn. Về thị hiếu, người tiêu dùng tại Angiêri thường uống rất ngọt và đánh

giá cà phê hòa tan nhập khẩu nói chung chưa có đủ độ đường, đặc biệt thường e ngại về vấn đề đảm bảo tiêu chuẩn halal (liên quan đến các thành phần bổ sung như sữa bột, kem). Đây là điều các doanh nghiệp lưu ý khi xuất khẩu cà phê thành phẩm vào Angiêri, nhất là khi đưa hàng vào hệ thống siêu thị.

Cơ cấu mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Angiêri trong 7 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Với mặt hàng gạo, Angiêri không sản xuất lúa gạo nên mặt hàng này được nhập khẩu 100%. Số lượng gạo nhập khẩu của Angiêri khoảng 100.000 tấn/năm.

Tương tự, nhu cầu nhập khẩu gia vị, đặc biệt là hạt tiêu của Angiêri khá cao do nước này không sản xuất được. Hạt tiêu của Việt Nam cũng phải cạnh tranh gay gắt với hàng của các nước Ấn Độ, Pakixtan, nhưng triển vọng xuất khẩu hạt tiêu trong thời gian tới dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng do nhu cầu cao và hạt tiêu không nằm trong danh mục hàng phải chịu thuế phòng vệ.



Riêng mặt hàng trái cây, cho đến nay các mặt hàng như thanh long, nhãn, vải của Việt Nam chưa có mặt tại thị trường Angiêri do khoảng cách xa xôi cũng như khác biệt về thị hiếu tiêu dùng. Trong thời gian qua, Việt Nam mới chỉ xuất khẩu cơm dừa sang thị trường này. Trong khi đó, Angiêri chủ yếu nhập khẩu chuối, xoài, cam, táo tươi từ các nước giáp địa lý tại châu Phi, châu Âu và tùy theo thời điểm trong năm. Khi vụ thu hoạch các loại trái cây này diễn ra, Chính phủ Angiêri sẽ hạn chế nhập khẩu để bảo vệ sản xuất trong nước.

Với thủy hải sản, người dân Angiêri tiêu thụ ít hải sản, khoảng 5kg cá/năm.

Tuy nhiên xu hướng chuyển sang ăn cá (vì chứa ít cholesterol) đang tăng lên khi kim ngạch nhập khẩu cá nước ngọt của Angiêri liên tục tăng. Thêm vào đó, số lượng người nước ngoài đến Angiêri đầu tư, lao động cũng góp phần tăng cầu thủy hải sản.

Thực tế cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cá tra đông lạnh của Việt Nam sang thị trường Angiêri tăng mạnh 340% về lượng và 256,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 1,07 nghìn tấn, trị giá 1,7 triệu USD.

Trong khi đó, xuất khẩu cá ngừ đông lạnh của Việt Nam sang Angiêri giảm mạnh 69,2% về lượng và 75,2% về trị giá so với 6 tháng năm 2019.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Angiêri trong 6 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	6 tháng đầu năm 2020			So với 6 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Cá tra đông lạnh	1.072	1.695	1.582	340,0	256,3	-19,0
Cá ngừ đông lạnh	332	1.149	3.457	-69,2	-75,2	-19,6
Mực đông lạnh	18	56	3.117			
Giun biển sống	0,19	10	51.078			
Cua sống	0,11	6	52.250			

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

THỪA THIÊN - HUẾ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN GẮN VỚI ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT

Thừa Thiên - Huế có nhiều tiềm năng và thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, đó là diện tích đất sản xuất nông nghiệp gần 70.000 ha, diện tích rừng lớn gần 335.000 ha, đặc biệt đầm phá Tam Giang - Cầu Hai lớn nhất Đông - Nam Á rộng 22.000 ha. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản hơn 7.400 ha cùng với nhiều vùng bãi triều nước lợ, cửa biển, cửa sông giàu dinh dưỡng...

Thời gian qua, Thừa Thiên-Huế đã tích cực hỗ trợ phát triển thương hiệu gắn với chuỗi giá trị đối với các đặc sản trên địa bàn thông qua việc xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận đặc sản Huế. Hoạt động này nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời, tăng cường các giải pháp mang tính đồng bộ, tập trung ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực của từng xã, phường, thị trấn.

Thừa Thiên-Huế hiện có 89 sản phẩm đặc sản nằm trong danh mục phát triển thương hiệu, trong đó, mè xướng và tôm chua Huế đã được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xác lập nằm trong top 50 đặc sản quà tặng Việt Nam. Tỉnh đang tập trung xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực và đặc sản địa phương. Trọng tâm là đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý đối với đặc sản địa phương; quản lý, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ đối với đặc sản địa phương.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng phát triển chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực địa phương; chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên- Huế và hướng dẫn làm đơn đăng ký nhãn hiệu. Riêng đối với mặt

hàng truyền thống, tỉnh đã ưu tiên đầu tư vốn, chính sách khuyến khích nhằm tạo động lực cho các doanh nghiệp, cơ sở phát huy năng lực, mạnh dạn bỏ thêm vốn đầu tư để mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh.

Năm 2020, Thừa Thiên-Huế phấn đấu xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận cho từ 3-4 loại sản phẩm; hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài từ 1-2 sản phẩm (đặc sản bún bò Huế và mè xướng Huế). Hiện tỉnh đã xác lập và quản lý, khai thác, phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nón lá, tôm chua, dầu trầm Lộc Thủy và trái cây thanh trà Huế.

Tỉnh Thừa Thiên-Huế đã chọn và ban hành danh mục sản phẩm chủ lực giai đoạn 2019-2020 để hỗ trợ phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Theo danh mục này, có 16 sản phẩm được hỗ trợ trong giai đoạn này gồm: Bưởi thanh trà (Thanh trà Huế); lúa, gạo chất lượng cao; rau má tươi, trà rau má; sen Huế; bò, thịt bò; tinh dầu trầm, tinh dầu sả và các loại tinh dầu từ dược liệu; mây tre, mộc mỹ nghệ; đúc đồng; cá vùng đầm phá Tam Giang-Cầu Hai; tôm (tôm thẻ chân trắng, tôm sú); tôm chua và nước mắm, ruốc, mắm các loại.

Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ:

Những năm gần đây, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã mở rộng vùng chuyên canh sản xuất lúa hữu cơ, thông qua việc liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Nhiều vùng trong tỉnh, nông dân sản xuất lúa

không sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ; doanh nghiệp thu mua lúa và hỗ trợ kỹ thuật, vốn, giống cho nông dân.



Đến nay các địa phương trong tỉnh đã nhân rộng nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng được 26 nhà lưới với tổng diện tích khoảng 20.000 m². Các mô hình ứng dụng theo tiêu chuẩn VietGAP tiếp tục phát triển, mở rộng tại các địa phương với diện tích lúa hơn 1.096 ha và 103 ha các loại rau (rau má, cải, xà lách, rau thơm,...). Nhân rộng mô hình sản xuất lúa theo quy trình hữu cơ cho 353,3 ha; 21,6 ha rau các loại. Một số hộ nông dân mạnh dạn đầu tư thành lập trang trại, nhà lưới sản xuất trồng trọt theo hướng công nghệ cao như trang trại trồng dưa lưới ở phường Thủy Biểu (thành phố Huế) và rau thủy canh ở xã Phú Thượng (huyện Phú Vang)...

Nhằm phát huy thế mạnh, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là tạo ra các sản phẩm chế biến, có giá trị gia tăng cao và các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, thời gian tới, tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ khuyến khích, ưu đãi chính sách đầu tư vào các dự án như: Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật canh tác theo hướng công nghệ cao; đầu tư hình thành vùng sản xuất lúa, rau hữu cơ quy mô lớn, liên kết bao tiêu và chế biến sản phẩm chất lượng cao; khuyến khích người dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp

trong các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

Tỉnh cũng sẽ tập trung vào các dự án phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, gia trại ứng dụng công nghệ cao. Ưu tiên các dự án liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm theo công nghệ mới và các dự án nghiên cứu lai tạo, cung ứng giống vật nuôi chất lượng cao. Thực hiện các dự án nuôi tôm trên cát áp dụng biện pháp quản lý tiên tiến (GAP, BMP, CoC,...) và dự án phát triển trồng rừng gỗ lớn, hình thành vùng nguyên liệu dược quy mô lớn phục vụ công nghiệp chế biến dược liệu gắn với ngành y học cổ truyền...

Tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng đã và đang triển khai nhiều giải pháp để xây dựng và quảng bá các sản phẩm OCOP. Hiện Trung tâm Công nghệ Thông tin của tỉnh đang triển khai xây dựng chuyên mục Sản phẩm OCOP (mỗi xã một sản phẩm) trên Trang thông tin điện tử tổng hợp Khám phá Huế. Các chuyên trang này được xây dựng như một gian hàng online, nhằm mục đích quảng bá các sản phẩm đặc trưng của địa phương trên địa bàn tỉnh đến với mọi người, giới thiệu các địa chỉ mua sắm uy tín. Trong đó ưu tiên giới thiệu các địa chỉ mua sắm của Hội nông dân, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể, qua đó hỗ trợ sinh kế cho người dân, giúp người dân tiếp cận được với môi trường Internet, từng bước mở rộng được mô hình kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và phát triển bền vững trong thời đại công nghiệp 4.0.



PHÁT TRIỂN THÊM 450.000HA TRÁI CÂY VÀ THỦY SẢN Ở ĐBSCL ĐẾN NĂM 2030

Chính phủ đã định hướng chuyển dịch mô hình tăng trưởng nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó xác định thủy sản và trái cây đóng vai trò quan trọng để phát triển, tăng thu nhập cho người dân. Do đó, tới đây sẽ giảm diện tích trồng lúa, tăng mạnh diện tích trái cây và thủy sản khoảng 450.000ha.

Đến năm 2030, diện tích canh tác lúa toàn vùng ĐBSCL còn 1,6 triệu ha (giảm khoảng 300.000ha, để chuyển sang trồng cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản). Diện tích trồng lúa khi đó mỗi năm còn khoảng 3,1 triệu ha (giảm 1 triệu ha do giảm diện tích canh tác và giảm tăng vụ); sản lượng lúa dự kiến giảm còn 17,3 triệu tấn/năm (giảm khoảng 6,3 triệu tấn).

Việc giảm đất lúa nhằm đẩy mạnh phát triển cây ăn trái và nuôi thủy sản để phục vụ xuất khẩu, tăng thu nhập cho nông dân. Dự kiến đến năm 2030, sẽ mở rộng diện tích cây ăn trái tại ĐBSCL lên khoảng 650.000ha (tăng thêm 150.000ha), ở các vùng chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả do bị xâm nhập mặn, khu vực có địa hình cao...

Ngành nông nghiệp sẽ nghiên cứu và ứng dụng các loại giống cây trồng có

năng suất, chất lượng cao và chống chịu tốt với biến đổi khí hậu; hỗ trợ nông dân các biện pháp canh tác bền vững, giảm chi phí; tăng cường liên kết giữa nông dân và các hợp tác xã với doanh nghiệp tiêu thụ.

Song song đó, đầu tư nâng cao công nghệ chế biến, bảo quản; hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến trái cây công nghệ cao gắn với vùng chuyên canh và các trung tâm dịch vụ hậu cần để kết nối ra thị trường quốc tế. Ngoài ra, tiến hành xây dựng vùng trồng, đảm bảo truy xuất nguồn gốc đáp ứng các yêu cầu mới của các thị trường nhập khẩu; thúc đẩy đàm phán mở cửa thị trường mới để tăng cường xuất khẩu...

Đối với nuôi trồng thủy sản, đến năm 2030 dự kiến nâng tổng diện tích ở ĐBSCL đạt hơn 1,3 triệu ha, tăng thêm khoảng 300.000ha (bao gồm diện tích đất lúa chuyển đổi và tăng diện tích luân canh với lúa, tôm rừng sinh thái...). Phát triển ngành tôm và cá tra trở thành ngành sản xuất lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng tốt nhu cầu xuất khẩu



HỘI CHỢ TRÁI CÂY QUỐC TẾ QUẢNG CHÂU 2020

Hội chợ chuyên ngành trái cây (Fruit Expo) quốc tế Quảng Châu 2020 sẽ được tổ chức từ ngày 24-26/9/2020 tại Trung tâm hội chợ giao dịch hàng hóa xuất nhập khẩu Trung Quốc ở thành phố Quảng Châu.

Hội chợ được tổ chức dưới sự chỉ đạo của Hiệp hội lưu thông trái cây Trung Quốc, với sự chủ trì của Hội xúc tiến hợp tác kinh tế thương mại Hồng Kông, Macao, Quảng Đông của tỉnh Quảng Đông, Hiệp hội doanh nghiệp hợp tác kinh tế đối ngoại tỉnh Quảng Đông, Hội xúc tiến đầu tư kinh tế Quảng Đông. Công ty tập đoàn hội chợ triển lãm quốc tế Hồng Uy Quảng Đông là đơn vị thực hiện.

Phạm vi sản phẩm trưng bày có hạt giống, cây giống, trái cây tươi, trái cây chế biến, nước trái cây, trái cây khô, nghiệp vụ trồng trọt, vận chuyển lạnh, thương mại điện tử. Hội chợ thu hút nhiều thương hiệu doanh nghiệp trái cây nội địa Trung Quốc và các loại trái cây quốc tế đến từ Chi lê, Thái Lan, Việt Nam, Philippin, Hy Lạp, Indonesia, Peru, Mexico, Ecuador, Iran, Ấn Độ,...

Năm 2020, dự kiến hội chợ trưng bày trên diện tích 30 ngàn m², có khoảng trên 500 doanh nghiệp tham gia và có khoảng 30 ngàn khách tham quan.

Năm 2020, Việt Nam dự kiến tiếp tục tham gia hội chợ với quy mô 4 gian hàng tiêu chuẩn, do Thương vụ Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu chủ trì, với sự phối hợp của Vụ thị trường Châu Á – Châu Phi (Bộ Công Thương) và một số địa phương, doanh nghiệp Việt Nam. Dự kiến các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam sẽ trưng bày, giới thiệu một số trái cây, sản phẩm chế biến từ trái cây đặc sắc, được thị trường Trung Quốc ưa chuộng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, dự kiến các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam sẽ tham gia hội chợ theo hình thức gửi tài liệu và hàng mẫu để trưng bày, giới thiệu hoặc ủy quyền các doanh nghiệp đại lý tại thị trường Trung Quốc đại diện tham gia.

GIAO THƯƠNG:

DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN CÓ NHU CẦU NHẬP KHẨU HOA QUẢ VIỆT NAM

Công ty Funasho Shoji của Nhật Bản có nhu cầu tìm các nhà xuất khẩu trái cây của Việt Nam (thanh long, chuối, dưa, dứa, vải, xoài Cát Chu...)

Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm có thể liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản qua email: jp@moit.gov.vn

TÌM NHÀ CUNG CẤP GẠO XUẤT KHẨU SANG COSTA RICA

Công ty www.mbcproducts.com muốn tìm nhà cung cấp gạo Việt Nam cho đấu thầu gạo với chính phủ Costa Rica với số lượng lớn gạo hạt ngắn (basic short grain rice).

Doanh nghiệp cần báo giá CIF đến cảng: Port Caldera or Port limon, Costa Rica cho nhà nhập khẩu

Các doanh nghiệp quan tâm liên hệ trực tiếp với công ty theo địa chỉ:

Mr. John Kastelz; Email: kastelz@mbcproducts.com

và gửi tới cho Thương vụ Việt Nam tại Houston theo địa chỉ: houston@moit.gov.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG HƯỚNG DẪN CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ TRONG EVFTA

Ngày 15/6/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020, cùng ngày hiệu lực của Hiệp định EVFTA.

Để triển khai Thông tư số 11/2020/TT-BCT và hỗ trợ thương nhân xuất khẩu hàng hóa nhằm tận dụng ưu đãi EVFTA, ngày 31 tháng 7 năm 2020, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã có công văn số 812/XNK-XXHH gửi các Hiệp hội ngành hàng và thương nhân xuất khẩu để hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ.

Đối với lô hàng xuất khẩu của Việt Nam có trị giá không quá 6.000 euro, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư số 11/2020/TT-BCT, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ. Việc tự chứng nhận xuất xứ được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 11/2020/TT-BCT. Sau khi thực hiện tự chứng nhận xuất xứ, thương nhân có

trách nhiệm báo cáo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu do thương nhân tự chứng nhận xuất xứ trên www.ecosys.gov.vn theo quy định tại khoản 7 Điều 25 Thông tư này.

Đối với các lô hàng xuất khẩu có trị giá trên 6.000 euro, nhà xuất khẩu phải có C/O mẫu EUR.1 do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp. Quy trình khai báo và chứng nhận C/O mẫu EUR.1 thực hiện tương tự các mẫu C/O hiện hành.

Việc kê khai C/O mẫu EUR.1 được Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục đính kèm công văn số 812/XNK-XXHH.

Đối với hàng hóa xuất khẩu sang Vương quốc Anh, các thương nhân xuất khẩu chỉ kê khai C/O mẫu EUR.1 hoặc phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

ẤN ĐỘ CÓ THỂ SIẾT TIÊU CHUẨN HẠT TIÊU NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM

Theo Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ, người trồng tiêu Ấn Độ phản ánh hạt tiêu đen nhẹ (mã HS 09041120) nhập từ Việt Nam không đáp ứng đúng tiêu chuẩn về hàm lượng piperine tối thiểu 6% như yêu cầu chất lượng của Tổng cục Ngoại thương Ấn Độ đưa ra. Do vậy, nhiều khả năng Ban Gia vị (cơ quan thuộc Bộ Công Thương Ấn Độ) sẽ xem xét, kiểm tra hàm lượng piperine tối thiểu trong hồ tiêu nhập từ Việt Nam có đáp ứng mức 6% hay không.

Động thái này từ phía Ấn Độ sẽ ảnh hưởng tới uy tín hạt tiêu Việt Nam cũng

như bất lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu. Do đó, Bộ Công Thương đang phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ làm rõ thông tin và yêu cầu phía Ấn Độ không đưa ra các biện pháp bất lợi tới xuất nhập khẩu hạt tiêu giữa hai nước.

Bộ Công Thương cũng khuyến nghị các doanh nghiệp xuất khẩu hạt tiêu cần kiểm soát chặt hơn chất lượng tiêu xuất khẩu và có biện pháp ứng phó kịp thời trong trường hợp Ấn Độ đưa ra chính sách bất lợi cho xuất khẩu hạt tiêu Việt Nam sang thị trường này.

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

KINH TẾ TOÀN CẦU CẢI THIỆN HỖ TRỢ GIÁ NÔNG SẢN THẾ GIỚI TIẾP TỤC TĂNG

Trên thị trường thế giới, giá nhiều mặt hàng nông sản tiếp tục xu hướng tăng nhờ tín hiệu lạc quan về sự phục hồi của các nền kinh tế lớn như: Mỹ, Trung Quốc... Bên cạnh đó, việc Nga tuyên bố phê duyệt loại vắc xin Covid-19 đầu tiên và sẽ bắt đầu sản xuất vắc xin này kể từ tháng 9/2020 cũng hỗ trợ sự đi lên của thị trường hàng hóa nói chung.

Tính đến ngày 14/8/2020, giá ngô tại Mỹ tăng 2,1% so với cuối tháng 7/2020, đạt 337,5 Uscent/bushel do lo ngại về ảnh hưởng sau khi 1 cơn bão đổ bộ vào khu vực trồng trọng điểm của Mỹ. Giá đậu tương kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Chicago cũng tăng 1,2% so với cuối tháng 7/2020. Tuy nhiên, giá lúa mì và lúa mạch giảm 4% - 5,7%.

Trong nửa đầu tháng 8/2020, giá cà phê thế giới tăng do lo ngại thời tiết khô hạn tại Braxin có thể ảnh hưởng đến triển vọng cây trồng trong niên vụ tới. Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2020 tăng tới 7,7% so với cuối tháng 7/2020, đạt 118,1 Usent/lb; giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn London cũng tăng 3,4% lên 1.382 USD/tấn.

Trong khi đó, giá cao su RSS3 trên sàn giao dịch Tocom – Nhật Bản tăng 9,1% so với cuối tháng 7/2020 nhờ sự phục hồi tại các thị trường ô tô lớn như: Trung Quốc, Ấn Độ...

Trên thị trường gạo, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ tính đến giữa tháng 8/2020 đạt 382 - 387 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với cuối tháng 7/2020. Hầu hết các nhà máy xay xát gạo tại Ấn Độ đang hoạt động với công suất thấp hơn do không có công nhân trong bối cảnh các ca nhiệm

Covid-19 tiếp tục gia tăng. Nguồn cung hạn chế cho xuất khẩu buộc các thương nhân tăng giá bán ra.



Tại Thái Lan, giá gạo trắng 5% tấm cũng tăng lên mức 465- 500 USD/tấn từ mức 450 - 482 của cuối tháng 7/2020. Thời gian qua, đồng Baht liên tục tăng giá so với đồng USD, nguồn cung giảm do hạn hán và chi phí sản xuất tăng đã khiến giá gạo Thái Lan duy trì ở mức cao, khiến sức cạnh tranh giảm. Theo các chuyên gia, Thái Lan có thể sẽ từ vị trí thứ ba xuống thứ năm trong danh sách các nhà xuất khẩu gạo toàn cầu trong thập niên tới nếu nước này không phát triển các chính sách dài hạn để tăng tính cạnh tranh cho mặt hàng gạo.

Thị trường gạo toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục vững giá trong thời gian tới do tác động của dịch Covid-19 khiến các nước tăng tích trữ lương thực, trong đó có mặt hàng gạo. Nhu cầu gạo từ Trung Quốc có thể sẽ tăng lên do những trận lũ lụt lớn ở nước này, tồn kho gạo của Philippin giảm trong khi mùa mưa bão đang đến gần. Bên cạnh đó, dịch bệnh ở Ấn Độ đã gây ra những cản trở về logistics, lũ lụt ở Bangladesh gây thiệt hại nghiêm trọng cho mùa màng của nước này.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 14/8/2020

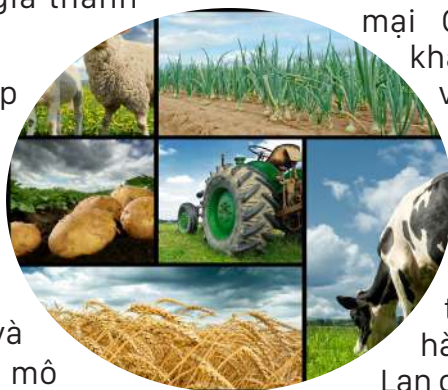
Hàng hóa	ĐVT	Ngày 14/8/2020	So với ngày 29/7/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	337,5	2,1	-12,8	-12,3
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	504,5	-4,0	-10,5	7,3
Lúa mạch	UScent/bushel	256,5	-5,7	-16,5	-7,0
Đậu tương	UScent/bushel	897,3	1,2	-5,0	2,2
Khô đậu tương	USD/tấn	298,2	0,2	-1,8	-1,8
Dầu đậu tương	UScent/bushel	31,2	4,1	-9,1	4,1
Hạt cải	CAD/tấn	484,7	-0,5	0,3	6,7
Ca cao	USD/tấn	2.480,0	8,2	-4,2	10,6
Đường thô	UScent/lb	13,1	9,2	-6,8	10,5
Nước cam	UScent/lb	120,0	0,0	23,6	17,3
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.382,0	3,4	7,4	8,9
Cà phê Arabica	UScent/lb	118,1	7,7	-0,7	26,3
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	725,0	27,9	74,2	107,8
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	387,0	1,3	5,7	1,6
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	500,0	3,7	14,9	17,6
Cao su Toccom	JPY/kg	174,7	9,1	-13,3	2,8

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

BA LAN TĂNG NHẬP KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN THẾ MẠNH CỦA VIỆT NAM

Ba Lan là một trong những nước sản xuất nông nghiệp lớn nhất ở châu Âu và là một phần quan trọng trong toàn bộ hệ thống nhập khẩu hàng hóa vào nhiều nước thành viên EU. Hơn 50% đất đai của Ba Lan là đất nông nghiệp, với 33% tổng dân số sống ở nông thôn, chiếm tỷ lệ cao so với các quốc gia thành viên EU khác.

Theo Bộ Nông nghiệp Ba Lan, Ba Lan là nước có thể tự cung, tự cấp lương thực. Đáng chú ý, Ba Lan là một nước sản xuất và xuất khẩu lớn các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, nhờ vào quy mô sản xuất của Ba Lan. Trong đó, chiếm tới 80% thịt bò Ba Lan, 60% thịt gia cầm, 40% sữa và các sản phẩm từ sữa, hạt cải dầu, trái cây, rau, dầu và thức ăn cô đặc đã được xuất khẩu.

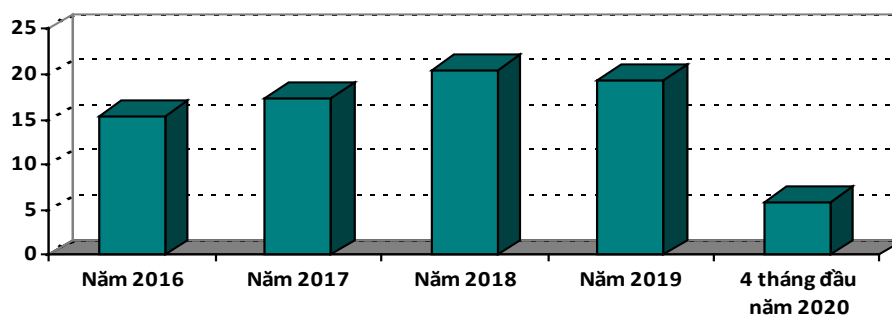


Tuy vậy, với những thay đổi của thị hiếu tiêu dùng, đó là người Ba Lan ngày càng quan tâm hơn đến những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và những thực phẩm có lợi cho sức khỏe, do đó, Ba Lan cũng nhập khẩu một lượng đáng kể các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (Trademap), nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Ba Lan chiếm khoảng 8% tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa vào nước này, trong đó, nhập khẩu tăng liên tục trong giai đoạn 2016-2018, từ 15,3 tỷ USD lên 20,5 tỷ USD, tuy vậy, năm 2019, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Ba Lan giảm xuống còn 19,4 tỷ USD.

4 tháng đầu năm 2020, do tác động của dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Ba Lan cũng giảm đáng kể, chỉ đạt 5,8 tỷ USD, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Ba Lan từ năm 2016 đến hết tháng 4/2020 (Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong các mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Ba Lan 4 tháng đầu năm 2020, nhóm hàng thủy sản chưa qua chế biến được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 10,9% tổng trị giá nhập khẩu, tiếp đến là nhóm hàng quả, quả hạch ăn được, chiếm 10,3%; gỗ nguyên liệu chiếm 9,4%; thịt và phụ phẩm dạng thịt chiếm 9,3%...

Nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản vào Ba Lan trong 4 tháng năm 2020 đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, nhiều mặt hàng nhập khẩu giảm ở mức hai con số như thủy sản chưa qua chế biến giảm 22,8%; gỗ nguyên liệu giảm 25,3%; rau và củ giảm 19,6%; cao su giảm 24,9%; sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong giảm 25,8%...

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Ba Lan trong 4 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng	Ba Lan nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Ba Lan (%)	
	4 tháng đầu năm 2020	4 tháng đầu năm 2019		4 tháng đầu năm 2020	4 tháng đầu năm 2019
Tổng	5.814	7.147	-18,6	0,8	0,5
Thủy sản chưa qua chế biến	633	820	-22,8	1,1	1,1
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	599	680	-11,9	1,3	0,4
Hạt điều	18	19	-6,0	38,8	10,4
Gỗ nguyên liệu	545	730	-25,3	0,3	0,3
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	540	643	-16,0	-	-
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	428	532	-19,6	0,003	0,019
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	386	415	-6,9	-	-
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	359	442	-18,9	1,9	0,9
Cao su và các sản phẩm bằng cao su	347	462	-24,9	0,2	0,1
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	298	401	-25,8	0,023	0,026
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các Phần khác của cây	275	304	-9,5	0,154	0,047
Động vật sống	247	252	-2,1	-	0,002
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc	236	285	-17,3	0,011	0,006

Mặt hàng	Ba Lan nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Ba Lan (%)	
	4 tháng đầu năm 2020	4 tháng đầu năm 2019		4 tháng đầu năm 2020	4 tháng đầu năm 2019
	Cà phê, chè và các loại gia vị	222		262	-15,4
Cà phê	153	186	-17,6	5,5	3,6
Chè	37	38	-2,3	0,9	0,7
Hạt tiêu	5	9	-43,2	30,5	13,5
Ngũ cốc	152	216	-29,5	0,6	0,0
Gạo	32	41	-21,2	2,8	0,1
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	127	183	-30,4	-	-
Đồ nội thất bằng gỗ	107	130	-18,3	5,6	3,4
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	90	102	-11,9	2,0	1,6
Thủy sản chế biến	47	55	-14,7	3,8	3,0
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	82	113	-27,3	0,5	0,3
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	77	105	-27,0	-	-
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	37	45	-19,0	-	-
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	30	25	19,0	0,25	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Quy mô thị trường Ba Lan và cơ hội cho Việt Nam

Ba Lan là nền kinh tế lớn thứ 6 trong Liên minh châu Âu (EU) và là thị trường lớn nhất trong số các nước Đông Âu với gần 40 triệu dân. Ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống của Ba Lan đã hoạt động rất tốt trong những năm gần đây do thu nhập hộ gia đình tăng kết hợp với niềm tin của người tiêu dùng cao hơn. Với sự hiện diện và sẵn có ngày càng tăng của các sản phẩm hữu cơ đã thúc đẩy nhu cầu về các sản phẩm hữu cơ thân thiện với môi trường. Người tiêu dùng Ba Lan ngày càng chú trọng hơn đến chất lượng và chú ý đến thành phần của sản phẩm, lượng chất bảo quản và phụ gia, cũng như sản xuất và đóng gói bền vững. Theo các chuyên gia, khoảng 40% người mua sắm trong các hộ gia đình ở Ba Lan quan tâm đến việc cung cấp thực phẩm

hữu cơ. Những hộ gia đình có trẻ nhỏ tiếp cận với thực phẩm hữu cơ thường xuyên hơn so với dân số chung và hơn 1/3 tuyên bố rằng họ mua thực phẩm ít nhất một lần một tuần.



Các danh mục bán hàng dẫn đầu trong thực phẩm hữu cơ đóng gói là thực phẩm dành cho trẻ em, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ sữa; bánh mì; gạo, mì ống và mì; thịt đông lạnh, hải sản, trái cây và rau quả. Rau quả chiếm tỷ trọng cao nhất (17,5%) trong rổ hàng hóa hữu cơ. Hiện hơn 80% thực phẩm hữu cơ trong các cửa hàng ở Ba Lan đến từ nước ngoài.

Từ thực tế nhu cầu sản phẩm hữu cơ (chủ yếu thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản) tại Ba Lan thấy rằng, cơ hội cho Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Ba Lan vẫn rất lớn bởi hiện hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam mới chỉ chiếm chưa đến 1% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này vào Ba Lan. Mặc dù vậy, theo tính toán từ dữ liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế, nếu như nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Ba Lan giảm trong 4 tháng đầu năm 2020 thì nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Việt Nam vẫn tăng khá mạnh, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhập khẩu nhiều mặt hàng tăng mạnh như nhóm quả và quả hạch tăng 197,8%; sản phẩm chế biến từ rau, củ, quả, hạt

tăng 193,8%; ngũ cốc, đặc biệt là gạo tăng 1.652,9%...

Theo Cục Đầu tư và Thương mại Ba Lan, hiện quốc gia này nhập khẩu rất nhiều sản phẩm nông nghiệp từ châu Âu (gạo, trái cây họ cam quýt, chuối, thuốc lá, dầu dừa...) nhưng nguồn gốc Việt Nam. Vì vậy, nếu nông sản Việt Nam được chế biến tốt, đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, hoàn toàn có thể xuất khẩu trực tiếp sang thị trường Ba Lan.

Trong bối cảnh Việt Nam và EU đã ký kết Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA), trong đó, Ba Lan là thành viên của EU, hàng hóa Việt Nam sẽ có cơ hội thâm nhập vào thị trường Ba Lan và mở rộng thị phần tại thị trường này. Tuy vậy, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan, các doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung khai thác, xuất khẩu những mặt hàng có lợi thế như nhóm hàng nông sản, thủy sản, chú trọng tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, tận dụng ưu đãi thuế... để tăng giá trị và kim ngạch xuất khẩu vào Ba Lan. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tăng cơ hội xuất khẩu vào khu vực thị trường Đông Âu và EU.

TIN VĂN

▶ Ngày 7/8/2020, Hải quan Nepal đã cấp Chứng nhận đủ điều kiện giải phóng hàng (NOC) cho các container hạt tiêu của doanh nghiệp Việt Nam mắc kẹt tại Nepal được tái xuất về nước. Việc các container hàng được giải phóng sẽ chấm dứt các chi phí lưu kho bãi phát sinh cho doanh nghiệp. Hơn nữa, trong bối cảnh giá tiêu xuất khẩu đang tăng cao, sau khi được đưa về nước, hạt tiêu có thể tiếp tục được xuất khẩu đi nhiều thị trường khác để bù đắp chi phí cho doanh nghiệp.

▶ Chỉ số giá thực phẩm của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) đạt trung bình 94,2 điểm trong tháng 7/2020, tăng 1,1 điểm (1,2%) so với tháng 6/2020. Đây là tháng tăng điểm thứ hai liên tiếp và chỉ số này cao hơn gần 1 điểm (1%) so với cùng kỳ năm 2019.

▶ Theo số liệu công bố từ Bộ Nông nghiệp Australia, trong nửa đầu năm 2020 xuất khẩu xoài xanh của Việt Nam sang Australia tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2019, với khối lượng đạt 124 tấn (cùng kỳ năm 2019 đạt 51 tấn). Cạnh tranh từ xoài Việt Nam khiến giá xoài tại Nam Australia (Southern Territories) giảm khoảng 40% trong năm nay. Phần lớn xoài xanh xuất khẩu được bán vào các nhà hàng, nơi khách hàng quen với ẩm thực Đông Nam Á.